

CÔNG TY TNHH TDN HOLDING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TDN HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDN HOLDING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TDN HOLDING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110604149

3. Ngày thành lập: 16/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 75 ngách 63/5/36 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902218665

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4511
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4513
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610
6.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
8.	Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
19.	Đào tạo sơ cấp	8531
20.	Đào tạo trung cấp	8532
21.	Đào tạo cao đẳng	8533
22.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
23.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
26.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
27.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
28.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
29.	Hoạt động thể thao khác	9319
30.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
31.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
32.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
34.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
35.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Cổng thông tin (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312
41.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
46.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221

47.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
48.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
51.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Sản xuất chè	1076
54.	Sản xuất cà phê	1077
55.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
56.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
57.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
58.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
59.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
60.	Sản xuất giày, dép	1520
61.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
63.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
64.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
65.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
68.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
69.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
70.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
71.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
72.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
73.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
74.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
75.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
76.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
77.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

78.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
79.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
80.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
81.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
82.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics	5229
86.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
87.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
88.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
89.	Xuất bản phần mềm	5820
90.	Hoạt động hậu kỳ	5912
91.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
92.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
93.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
94.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm. Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động	7810
95.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
96.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài)	7830
97.	Đại lý du lịch	7911
98.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa ; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 30 Luật du lịch năm 2017)	7912
99.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
100.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
101.	Sản xuất nhạc cụ	3220
102.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230

103.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội)	3240
104.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
105.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
106.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
107.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
108.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
109.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
110.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. **Vốn điều lệ:** 986.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	BÙI XUÂN HẢI	Việt Nam	Phòng 914 CT1B Khu nhà ở Sỹ quan Bộ tổng tham mưu-Bộ quốc phòng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	838.100.000	85,000	015070001698	
2	LÊ QUANG ANH	Việt Nam	Số 15 ngõ 411 Phúc Tân, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	147.900.000	15,000	001093011239	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: BÙI XUÂN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 26/05/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015070001698

Ngày cấp: 23/07/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 914 CT1B Khu nhà ở Sỹ quan Bộ tổng tham mưu-Bộ quốc phòng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 914 CT1B Khu nhà ở Sỹ quan Bộ tổng tham mưu-Bộ quốc phòng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

